

Ngày soạn

Ngày dạy:

Bài 8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH

TIẾT 12, 13. Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống

I. Mục tiêu

1. Năng lực

Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB. (Trước ý kiến về một vấn đề đời sống được bàn luận (liên quan đến chủ đề *Trải nghiệm để trưởng thành* của bài học), người nghe có thể tán thành hay phản bác. Thói quen trao đổi như thế là rất cần thiết. Được tán thành, người nói sẽ thấy tự tin hơn vì những điều mình trình bày có sức thuyết phục. Gặp sự phản bác, người nói cần kiểm tra lại ý kiến của mình, biết điều chỉnh nếu thấy chưa đúng và biết cách bảo vệ nếu thấy xác đáng.)

- HS biết chọn một vấn đề gần gũi có ý nghĩa trong đời sống: quan hệ bạn bè, cách chọn sách để học, yêu cầu bảo vệ môi trường để trình bày ý kiến của mình. Bài nói cần đảm bảo các thao tác lập luận: Sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.

- Biết lắng nghe một cách tích cực: Tóm tắt được nội dung bài nói và phản hồi tích cực về bài nói của người trình bày..

- Biết đặt bản thân vào tình huống và giải quyết được tình huống cụ thể.

- Học sinh trình bày được ý kiến cảm nhận về một hiện tượng (vấn đề) đời sống mà mình lựa chọn. Làm chủ được tình cảm, có hành vi ứng xử phù hợp trước các tình huống trong đời sống.

2. Phẩm chất:

- Học sinh biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, biết cảm thông chia sẻ với những người xung quanh, tôn trọng sự khác biệt về cách nhìn nhận, đánh giá của người khác về hiện tượng (vấn đề) đời sống.

- Học sinh có tinh thần tự học, rèn luyện để diễn đạt đúng và hay, hoàn thành các nhiệm vụ học tập, chăm đọc sách báo và các kênh thông tin để có cái nhìn đúng về hiện tượng (vấn đề) đời sống.

- Thẳng thắn trong việc thể hiện suy nghĩ, tình cảm của mình, yêu lẽ phải, trọng chân lý.

- Dám chịu trách nhiệm về lời nói, có thái độ và hành vi tôn trọng quy định chung nơi công cộng, ý thức sẵn sàng thực hiện trách nhiệm

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án; Phiếu bài tập.

- Các phương tiện: Máy chiếu, tranh ảnh minh họa.

2. Chuẩn bị của học sinh: đọc trước bài ở nhà và hoàn thành phiếu học

tập

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

- a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú, tiếp cận với nội dung bài học.
- b) Nội dung:** chiếu hình ảnh về những cuốn sách giáo khoa bị tô vẽ lem nhem vào đó. HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.
- c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>Phương pháp đàm thoại, gợi mở.</p> <p>* GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS xem <i>chiếu hình ảnh về những cuốn sách giáo khoa bị tô vẽ lem nhem vào đó</i> ? Các hình ảnh trên nói về vấn đề gì? Nêu suy nghĩ của em về vấn đề trên? - HS hoạt động cá nhân. - HS trình bày chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn. - GV nhận xét, đánh giá. <p>GV dẫn dắt: Trong sinh hoạt, học tập hàng ngày có rất nhiều hiện tượng (vấn đề) đang được quan tâm. Cùng là 1 vấn đề nhưng có nhiều cách nhìn nhận khác nhau... Bài học hôm nay chúng ta cùng trình bày bài nói về 1 hiện tượng (vấn đề) trong đời sống.</p>	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a) Mục tiêu:

- HS biết chọn một vấn đề gần gũi có ý nghĩa trong đời sống:
- + Vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương.
- + Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.
- + Tắt thiết bị điện trong Giờ Trái Đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng, vì chẳng tiết kiệm điện được bao nhiêu.
- + Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.
- Bài nói cần đảm bảo các thao tác lập luận: Sử dụng lý lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.
- Biết lắng nghe một cách tích cực: Tóm tắt được nội dung bài nói và phản hồi tích cực về bài nói của người trình bày..

b) Nội dung:

- Thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV. Học sinh biết lựa chọn tìm hiểu một hiện tượng (vấn đề), thực hiện nhiệm vụ cá nhân, hoạt động nhóm (*nhóm đôi, nhóm lớn*).

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS trong thực hiện nhiệm vụ học tập và phiếu học tập.
- Bài nói và phản hồi về bài nói của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
------------------------	----------

Phương pháp đàm thoại, gợi mở; kĩ thuật nhóm đôi, nhóm lớn

* GV chuyển giao nhiệm vụ (PHT số 1)

- GV: Ở tiết viết giáo viên đã yêu cầu học sinh về nhà viết 2 vấn đề. Đưa ra 2 vấn đề sau cho HS lựa chọn và hướng học sinh lựa chọn vấn đề 2.

+ Vấn đề 1: Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.

+ Vấn đề 2: Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.

- GV cho HS lập dàn ý vấn đề 2 theo gợi ý:

+ Với phần mở đầu em giới thiệu gì về sách giáo khoa?

+ Em hiểu như thế nào về việc bảo vệ sách giáo khoa?

+ Giá trị của những cuốn sách giáo khoa với mỗi bạn học sinh ? (giá trị về kinh tế và giá trị về tri thức).

+ Tác hại của việc không giữ gìn sgk (về kinh tế, về tinh thần)?

+ Em đã làm gì để giữ gìn skg sạch đẹp, em đưa ra lời khuyên ntn đối với các bạn chưa biết bảo vệ sgk sạch đẹp ?

- HS hoạt động cá nhân

- HS trả lời từng câu hỏi

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

Dự kiến sản phẩm:

* Dàn ý:

a. Mở bài: Giới thiệu vấn đề bảo vệ sách giáo khoa.

b. Thân bài:

- SGK là gì?

- Vai trò của sách giáo khoa đối với người học.

- Nêu tác hại của việc không bảo vệ SGK (tô vẽ bậy lên sách)

- Lời khuyên về cách bảo vệ, giữ gìn sgk

c. Kết Bài

- Rút ra bài học nhận thức, hành động.

1. Chuẩn bị bài nói

a. chuẩn bị nội dung nói

* Đề bài: Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.

* Dàn ý:

a. Mở bài: Giới thiệu vấn đề bảo vệ sách giáo khoa.

b. Thân bài:

- SGK là gì?

- Vai trò của sách giáo khoa đối với người học.

- Nêu tác hại của việc không bảo vệ SGK (tô vẽ bậy lên sách)

- Lời khuyên về cách bảo vệ, giữ gìn sgk.

c. Kết Bài

- Rút ra bài học nhận thức, hành động.

* Tóm tắt nội dung bài nói thành dạng đề cương.

- GV chuyển ý: Các em có thể lựa chọn vấn đề ko tô vẽ, viết vào sách giáo khoa, hoặc có thể lựa chọn 1 trong vấn đề khác của tiết (viết) bài hôm trước cho bài luyện nói của mình.

*** GV chuyển giao nhiệm vụ: (PHT 2)**

? Dựa vào phân dàn ý đã nêu, em hãy lược bỏ những phần chỉ phù hợp với hình thức viết?

? Hãy đánh dấu những điểm quan trọng trong bài viết của mình cần giữ lại và phát triển thêm?

? Lựa chọn từ ngữ, sắp xếp ý trong bài viết để xây dựng thành một đề cương của bài nói của mình?

- HS hoạt động nhóm (**KT chia sẻ nhóm đôi**)

- HS trao đổi chia sẻ phần thảo luận của nhóm mình với nhóm đôi khác.

- HS nhận xét

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe.

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói, yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm 4.

+ Nói theo đề cương nội dung đã chuẩn bị.

+ Nói tập trung vào vấn đề, chọn dẫn chứng tiêu biểu.

+ Điều chỉnh nội dung nói: nhắc lại điều người nghe chưa hiểu, lướt những điều người nghe đã rõ.

- GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, các thành viên luân phiên nói, nghe góp ý cho nhau để rút kinh nghiệm: *Nói rõ ràng, mạch lạc, ngắn gọn, đủ ý theo dàn ý đã chuẩn bị, giọng nói vừa đủ nghe trong nhóm.*

- HS thực hiện nhiệm vụ (hoạt động nhóm 4)

- GV theo dõi (hỗ trợ HS nếu cần) hoạt động của các nhóm.

*** GV chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu các nhóm cử người trình bày bài nói trước lớp. Luân phiên người nói của các nhóm. Các thành viên còn lại đều là người nghe có nhiệm vụ theo dõi và trao đổi khi người nghe trình bày xong.

GV chiếu phần yêu cầu nói

b. Tập luyện trong nhóm

2. Trình bày bài nói

Yêu cầu:

* *Về hình thức:* Bài nói cần có mở đầu, kết thúc:

- Mở đầu: Kính thưa thầy (cô), các bạn: Sau đây em xin trình bày bài nói của mình....

- Kết thúc: Em xin chân thành cảm ơn thầy (cô) và các bạn đã chú ý lắng nghe phần trình bày bài nói của em.....

- * *Nội dung:*

- Nói đúng nội dung chuẩn bị phần đề cương bài nói.

- Bài nói tập trung vào nội dung chính, trọng tâm, các ý rõ ràng, chặt chẽ, phải phối hợp giữa lý lẽ và dẫn chứng để bài nói có sức thuyết phục.

* *Về giọng nói, tác phong:*

- Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, hấp dẫn, trôi chảy.

- Tác phong tự tin, nói thành câu trọn vẹn, đúng từ ngữ, ý chính xác, diễn đạt mạch lạc. Phát âm rõ ràng, âm lượng đủ cho cả lớp nghe.

- Khi nói mắt hướng về đối tượng giao tiếp, mắt nhìn vào người nghe.

- HS nghe: Biết nghe và nhận xét được phần trình bày của bạn cả về nội dung và hình thức.

- Học sinh hoạt động cá nhân.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày bài nói trước lớp

- GV gọi HS nhận xét, đánh giá bài nói của bạn bằng Rubrics.

- GV nhận xét, đánh giá, đánh giá bài nói của HS bằng Rubrics.

* **Chuyên giao nhiệm vụ (PHT số 3)**

- GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá

- GV đặt thêm câu hỏi:

+ *Người nói đã nêu rõ được hiện tượng đời sống cần bàn chưa?*

+ *Nội dung nói đầy đủ chưa? Có sức thuyết phục không (lý lẽ và dẫn chứng)?*

+ *Nhận xét về giọng nói, điệu bộ, cử chỉ...?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ theo nhóm (nhóm đôi)

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá.

+ *Người nói lắng nghe phản hồi ý kiến của người nhận xét (người nghe)? (nếu cần)*

3. Trao đổi sau khi nói

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- **Củng cố, khắc sâu kiến thức về yêu cầu của chủ đề: gần gũi và khác biệt.**

b) Nội dung:

- Thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để hoàn thành các bài tập.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

[illegible]

văn bản Bản đồ dẫn đường và Hãy cầm lấy và đọc.

- GV chiếu y/c bài tập 2 (thảo luận 5 phút)
- HS hoạt động nhóm (Kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi)
- GV nhận xét, kết luận
- Dự kiến sản phẩm.

Những điểm giống nhau và khác nhau về cách nêu ý kiến, cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng giữa hai văn bản *Bản đồ dẫn đường* và *Hãy cầm lấy và đọc*:

- Giống nhau: Đầu lần lượt triển khai nội dung theo trình tự: đưa ra ý kiến, sau đó là lí lẽ và bằng chứng.
- Khác nhau: Bằng chứng trong văn bản *Hãy cầm lấy và đọc* cũng có thể xem là lí lẽ.

*** GV chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS đọc BT 4

*** Bài tập 4/73**

Chọn trong văn bản *Bản đồ dẫn đường* một câu làm đề

tài cho bài nói. Lập dàn ý bài nói và tập luyện cách trình bày

- HS hoạt động cá nhân
- + GV gọi hs trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
- Dự kiến sản phẩm.

*** Dàn ý:**

- Mở đầu: Giới thiệu về câu nói trong văn bản *Bản đồ dẫn đường* được chọn làm đề tài.

- Thân bài:

- + Nêu lí do lựa chọn câu nói làm chủ đề cho bài nói.

- + Khẳng định sự tán thành với câu nói.

+ Chứng minh:

. Những điều xấu xa thường ở trong bóng tối (kẻ trộm, vi phạm pháp luật,...), các chú công an phải đi vào "bóng tối" mới có thể bảo vệ được bình yên cho người dân.

. Đối với bản thân mỗi người: Để trả lời cho câu hỏi: "Tôi là ai? Tôi thích gì? Tôi muốn trở thành gì?" không thể tìm kiếm đáp án ở bên ngoài. Người khác có thể cho ta một câu trả lời hay gợi ý. Nhưng câu trả lời đó chỉ đúng khi tự ta cũng thấy nó hợp lí, tự ta thuyết phục được bản thân. Nghĩa là, ta vẫn phải đi vào "bóng tối" của nội tâm, soi xét và tìm ra câu trả lời.

- Kết luận:

- + Có những câu trả lời cần tìm ngoài ánh sáng, mà

*** Bài tập 4/73**

không thể tìm trong bóng tối; Nhưng cũng có những câu trả lời bắt buộc chỉ có thể tìm được trong bóng tối.

+ Kêu gọi mỗi người tự tin đi vào "bóng tối" của bản thân mình.

*** GV chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS đọc BT 5

 Tìm đọc thêm hai văn bản nghị luận bàn về vấn đề đời sống. Ghi chép ngắn gọn thu hoạch của em đối với từng văn bản (về vấn đề được bàn luận, về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng).

- HS hoạt động nhóm (GV chia lớp thành 2 nhóm N1 tìm đọc 1 văn bản nghị luận; N2 tìm đọc 1 văn bản nghị luận khác)

+ Đại diện nhóm trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

- Dự kiến sản phẩm.

*** Chọn đọc văn bản 1 về vấn đề học ngoại ngữ từ những áp lực: GS Việt từng đàm phán 60 tỷ USD: “Tự học ngoại ngữ từ những áp lực”. (<https://vietnamnet.vn/gs-viet-tung-dam-phan-60-ty-usd-tu-hoc-ngoai-ngu-t...>)**

- Lí lẽ 1: Tự học ngoại ngữ từ những áp lực

+ Dẫn chứng tự học tiếng Pháp: xuất phát từ lòng tự ái, luyện tập kể chuyện tiêu lâm trước gương.

+ Dẫn chứng tự học tiếng Anh: xuất phát từ việc không muốn người Anh đứng “tay trên” mình.

+ Dẫn chứng tự học tiếng Việt: xuất phát từ mong muốn truyền đạt kiến thức cho sinh viên Việt Nam tốt nhất nên học tiếng Việt mọi lúc mọi nơi, vừa viết, vừa đọc, vừa tra từ điển, vừa học từ chính sinh viên của mình.

- Lí lẽ 2: Hai phương pháp học ngoại ngữ: lấy áp lực hoặc tình yêu làm động lực.

+ Dẫn chứng lấy tình yêu làm động lực: Học từ động lực tình yêu thông qua các bài hát.

+ Dẫn chứng lấy áp lực làm động lực: Người Pháp cũng không giỏi hơn người Việt khi học tiếng Anh.

- Lí lẽ 3: Tự học chiếm 90% sự học.

+ Dẫn chứng: Dẫn chứng từ chính cuộc đời GS Phan Văn Trường.

*** Chọn đọc văn bản 2: Hiểu đúng về tục kéo vợ (<https://vietcetera.com/vn/hieu-dung-ve-tuc-keo-vo?fbclid=IwAR39bipwXG8ZS...>). Nội dung của văn**

**** Bài tập 5/73***

bản này đã được triển khai như sau:

- Nêu hiện tượng: Một thanh niên "kéo" một cô gái trẻ. Cô gái vùng vẫy, khóc lóc. Câu chuyện kết thúc khi có sự can thiệp của công an địa phương.

- Lí lẽ 1: "Kéo vợ" là một thực hành văn hóa có ý nghĩa phức tạp.

Bằng chứng 1: Trả lời phỏng vấn của hai nhà nhân học là Hoàng Cẩm và Trường Giang. Họ đã lí giải kéo vợ đã tồn tại lâu đời trong văn hóa của người Mông các tỉnh phía Bắc, phong tục này có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống hôn nhân của người địa phương.

Bằng chứng 2: Miêu tả cụ thể một hoạt động kéo vợ và ý nghĩa của hoạt động kéo vợ: "Việc chàng trai kéo cô gái về nhà không hề có sự cưỡng ép tới từ người đàn ông. "

- Lí lẽ 2: Những định kiến về tục kéo vợ đầu tiên xuất phát từ cách nhìn của người ngoài văn hóa Mông.

Bằng chứng: Nếp sống hàng ngày của người dân tộc thiểu số thường có xu hướng bị ảnh hưởng bởi sự phán xét từ nhóm người "văn minh hơn".

- Phần kết luận, tác giả đã khẳng định kéo vợ là một nét đẹp văn hóa cần được hiểu đúng và kêu gọi cộng đồng nên có sự tôn trọng văn hóa của các tộc người.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng, tìm tòi, mở rộng

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung: Trao đổi về ý nghĩa của câu tục ngữ "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn". Từ đó lấy những dẫn chứng thực tế để chứng minh cho tính đúng đắn của câu tục ngữ đó.

3. Sản phẩm: câu trả lời của hs

4. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
<p>Giao nhiệm vụ: GV chia lớp làm 2 nhóm lớn và nêu yêu cầu: Trao đổi về ý nghĩa của câu tục ngữ "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn". Từ đó lấy những dẫn chứng thực tế để chứng minh cho tính đúng đắn của câu tục ngữ đó</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ: HS bàn bạc thảo luận trong vòng 5 phút</p> <p>Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm trình bày Nhóm khác bổ sung</p> <p>Kết luận, nhận định Gv nhận xét thái độ và năng lực của hs trước một</p>	<p>- Ý nghĩa: con người phải có tư duy tích cực, phải nhận thức được tri thức loài người là vô tận, còn rất nhiều điều phải học tập và khám phá, chỉ có siêng năng tìm tòi, học hỏi mới thu nhận được tri thức đó, chỉ có tri thức mới giúp chúng ta vững bước trên đường đời, góp phần hoàn thiện bản thân, xây dựng và phát</p>

tình huống áp dụng vào thực tiễn	triển đất nước - Nhất trí với ý nghĩa của câu tục ngữ. - Minh chứng: nhà bác học Lênin đã có câu “Học, học nữa, học mãi” điều đó khẳng định việc học là không bao giờ là đủ, không bao giờ là thừa
----------------------------------	--

IV. Hướng dẫn tự học ở nhà

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Hoàn thiện bài nói theo yêu cầu: (về tự nói, hoặc có thể vài bạn tập hợp thành một nhóm nhỏ nói cho nhau nghe)
- Chuẩn bị bài mới: Ôn tập giữa học kì II. Hoàn thiện các phiếu học tập theo y/c của GV.

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá:

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Hỏi - đáp - Sản phẩm học tập	- Câu hỏi - Bài tập - Rubric	

Rubrics đánh giá phần trình bài nói của học sinh trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

T IÊU CHÍ	MỨC ĐỘ			
	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1. Nội dung (5,0 điểm)	(0 điểm) - Bài nói chưa có chủ đề - Lời văn lủng củng.	(0,25 - 3,0 điểm) - Bài nói chưa rõ chủ đề - Lời văn chưa logic, khoa học, chưa có tính thuyết phục.	(3,25-4,0 điểm) - Bài nói đã có chủ đề. - Lời văn rõ ràng, mạch lạc.	(4,25-5,0 điểm) - Bài nói có chủ đề rõ ràng, thống nhất - Lời văn logic, khoa học, có tính thuyết phục cao.
2. Cách trình bày (3,0 điểm)	(0 điểm) - Giọng nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng - Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt	(0,25-1,0 điểm) - Giọng nói còn nhỏ, chưa truyền cảm. - Điều bộ tự tin, nhìn vào người nghe, nhưng biểu cảm không	(1,25 - 2,0 điểm) - Giọng nói to, rõ ràng. - Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe biểu cảm khá phù hợp.	(2,25-3,0 điểm) - Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, hấp dẫn, trôi chảy - Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt biểu cảm

	chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	phù hợp với nội dung sự việc.		tốt.
3. Mở đầu và kết thúc hợp lí (2,0 điểm)	(0 điểm) Không chào hỏi và không có lời kết thúc bài sau khi trình bày.	(0,25- 1,0 điểm) Có chào hỏi nhưng chưa có lời kết thúc bài nói hoặc ngược lại.	(1,25- 1,5 điểm) Chào hỏi và kết thúc nhưng chưa thực sự ấn tượng.	(1,75-2,0 điểm) Chào hỏi và kết thúc tự nhiên, hấp dẫn, ấn tượng

2. Phiếu học tập

Phiếu HT số 1

1. Với phần mở đầu em giới thiệu gì về sách giáo khoa?
2. Em hiểu như thế nào về việc bảo vệ sách giáo khoa?
3. Giá trị của những cuốn sách giáo khoa với mỗi bạn học sinh ? (giá trị về kinh tế và giá trị về tri thức).
4. Tác hại của việc không giữ gìn sgk (về kinh tế, về tinh thần)?
5. Em đã làm gì để giữ gìn sgk sạch đẹp, em đưa ra lời khuyên ntn đối với các bạn chưa biết bảo vệ sgk sạch đẹp ?

Phiếu HT số 2

1. Dựa vào phần dàn ý đã nêu, em hãy lược bỏ những phần chỉ phù hợp với hình thức viết?
2. Hãy đánh dấu những điểm quan trọng trong bài viết của mình cần giữ lại và phát triển thêm?
3. Lựa chọn từ ngữ, sắp xếp ý trong bài viết để xây dựng thành một đề cương của bài nói của mình?

Phiếu HT số 3

1. Người nói đã nêu rõ được hiện tượng đời sống cần bàn chưa?
2. Nội dung nói đầy đủ chưa? Có sức thuyết phục không (lí lẽ và dẫn chứng)?
3. Nhận xét về giọng nói, điệu bộ, cử chỉ...?

Phiếu HT số 4

1. Những trải nghiệm trong cuộc sống có vai trò như thế nào đối với sự trưởng thành của mỗi người? (Dùng lí lẽ và bằng chứng trong các văn bản đọc để tìm câu trả lời.)
2. Hãy viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về chủ đề *Sách - người bạn đường*

Phiếu HT số 5

1. Chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau về cách nêu ý kiến, cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng giữa hai văn bản Bản đồ dẫn đường và Hãy cầm lấy và đọc.

IV. Rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch bài dạy sau tiết dạy (nếu có)

.....

.....

.....